**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN MANG THÍT**
TỈNH VĨNH LONG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07 /2019 / HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 01 – 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT**

**Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Công Hảo

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Phẩm

2. Ông Nguyễn Đinh Cường

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Mang Thít.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít* : Không tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 143/2018/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2018; Về việc: *"Xin ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Chổ ở hiện nay: ấp V, xã X, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long

*2. Bị đơn*: Anh Lê Thanh B, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 5 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:**

Chị T, anh Lê Thanh B do quen biết nên tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long ngày

21/12/2015. Thời gian đầu mới cưới vợ, chồng sống chung rất hạnh phúc, về sau thì bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống hôn nhân không đạt được. Do công việc mỗi người một nơi nên vợ, chồng ít quan tâm lẫn nhau nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu ly hôn với anh Lê Thanh B.

- Về con chung: Yêu cầu tiếp tục nuôi con chung Lê Nguyễn Tường L, sinh ngày 24/10/2016, yêu cầu anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi cháu L tròn 18 tuổi.

- Tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ chứng minh Chị T đã cung cấp cho Tòa án và được họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ Chị T xác định là đầy đủ và không cung cấp chứng cứ thêm.

Tại phiên tòa hôm nay, Chị T rút lại yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đồng ( Hai triệu đồng).

**Tại các biên bản hòa giải và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Thanh B trình bày:**

-Về quan hệ hôn nhân: Vợ, chồng anh B công việc mỗi người một nơi khi tìm hiểu và cưới nhau cho đến nay. Do bận việc nên vợ, chồng ít quan tâm lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn và cự cãi nhau qua điện thoại. Hiện nay anh B làm bên bộ phận Văn phòng của Công ty TNHH X, hiện tại bình quân thu nhập khoảng 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng)/ tháng.

- Về con chung: Cháu Lê Nguyễn Tường L hiện nay đang sống chung với vợ chị Nguyễn Thị T tại nhà mẹ ruột T. Nếu pháp luật giải quyết cho ly hôn anh B yêu cầu nuôi cháu Lkhông yêu cầu Chị T cấp dưỡng. Nếu Tòa án giải quyết giao cháu L cho Chị T nuôi dưỡng thì anh B không cấp dưỡng nuôi cháu L.

- Tài sản chung, nợ chung: Tôi không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa ngày hôm nay anh B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[ 1 ] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là " Ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại ấp P, xã L, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân huyện Mang Thít thụ lý giải quyết là

đúng theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhưng anh Bvắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng qui định theo Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Chị T rút lại yêu cầu buộc bị đơn anh Lê Thanh B cấp dưỡng nuôi con chung cháu Lê Nguyễn Tường L mỗi tháng 2.000.000đồng nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[ 2 ] Về nội dung:

[ 2.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 21 tháng 12 năm 2015 Chị T, anh B kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Xét mâu thuẫn trong đời sống hàng ngày giữa vợ, chồng và hiện nay đã ly thân, mỗi người có công việc một nơi không đoàn tựu lại là có thật. Chị T yêu cầu ly hôn với anh B là có căn cứ và phù hợp với Điều 51 và Điều 56 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[ 2.2] Về con chung: Cháu Lê Nguyễn Tường L, sinh ngày 24/10/2016 sống chung với Chị T. Sau khi ly hôn giao con chung cháu Lcho Chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Đình chỉ đối với yêu cầu buộc anh B cấp dưỡng nuôi con chung cháu Lê Nguyễn Tường L mỗi tháng 2.000.000đồng.

[ 2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[ 3 ] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn nộp án phí theo quy định tại Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227, Điều 228 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị T được ly hôn với bị đơn anh Lê Thanh B.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Nguyễn Tường L, sinh ngày 24/10/2016 cho Chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

Đình chỉ đối với yêu cầu Chị T buộc anh B cấp dưỡng nuôi con chung cháu Lê Nguyễn Tường L mỗi tháng 2.000.000đồng ( Hai triệu đồng ). Chị Nguyễn Thị

T có quyền khởi kiện lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh B không trực tiếp nuôi con chung, có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra, Không yêu cầu nên miễn xét.

4.Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số $N^0$0006464 ngày 16/5/2018, nguyên đơn không phải nộp thêm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 , Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Án xử công khai sơ thẩm đương sự có mặt báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- *VKSND huyện MT 01b;*
- *THA DS huyện MT 01b;*
- *Phòng KTNV & THA TAT 01b;*
- *UBND xã L 01b;*
- *Các đương sự 02bản ;*
- *Lưu HS.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Huỳnh Công Hảo**